

TỈNH ỦY ĐẮK NÔNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 63^{*} -CTr/TU

Đắk Nông, ngày 07 tháng 6 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết 36-NQ/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông xây dựng Chương trình triển khai, thực hiện Nghị quyết, với những nội dung cụ thể sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư (khoá IX) và Kết luận số 06-KL/TW, ngày 01/9/2016 của Ban Bí thư (khoá XII) về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông đã ban hành Chương trình hành động số 07-CTr/TU, ngày 16/3/2006 về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và Kế hoạch số 53-KH/TU, ngày 21/9/2017 về phát triển công nghệ sinh học; UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 1287/QĐ-UBND, ngày 12/10/2006 về kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 và Quyết định số 1860/QĐ-UBND, ngày 21/11/2017 ban hành Đề án triển khai, thực hiện Kế hoạch số 53-KH/TU, ngày 21/9/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai, thực hiện Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư (khóa XII) và Chương trình số 07-CTr/TU, ngày 16/3/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các giải pháp công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa, bảo vệ môi trường. Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và người dân về vai trò, đóng góp của công nghệ sinh học đối với đời sống ngày càng được nâng cao, từ đó tạo ra phong trào ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến của người dân trên nhiều lĩnh vực, nhất là trong nông nghiệp nông thôn đã xuất hiện nhiều gương điển hình trong lao động sản xuất. Việc triển khai ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, y dược, môi trường trên địa bàn tỉnh đã tác động tích cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, trong

lĩnh vực nông nghiệp, các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao được đưa vào thực tiễn, góp phần vào chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Kết quả đạt được cụ thể như:

Về lĩnh vực trồng trọt

Nhiều giống cây trồng mới đã nghiên cứu thử nghiệm và ứng dụng rộng rãi ở địa phương: cây mắc ca ghép, ca cao lai F1 nhập từ Malaysia, giống sầu riêng, bơ có triển vọng, sử dụng các giống ngô lai, lúa lai, lúa thuần thơm được người dân mạnh dạn đưa vào sản xuất,... để tạo ra giống cây trồng sạch bệnh, năng suất cao, việc ứng dụng công nghệ như nuôi cấy mô tế bào thực vật để tạo ra giống cây trồng đảm bảo như cà phê, hồ tiêu, rau, hoa, khoai lang,... Trên cơ sở đó đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất tiêu biểu về lĩnh vực trồng trọt như: Mô hình trồng cây sầu riêng hạt lép tại Trang trại Gia Trung (thành phố Gia Nghĩa), mô hình trồng măng cụt, bơ ghép tại trang trại Gia Ân (thành phố Gia Nghĩa), mô hình trồng vải ở huyện Krông Nô, mô hình trồng xoài ở huyện Đắk Mil, mô hình nuôi cấy nấm Đông trùng hạ thảo ở huyện Tuy Đức, mô hình trồng dâu tây hữu cơ tại thành phố Gia Nghĩa,...

Cùng với việc sử dụng các giống mới có triển vọng vào sản xuất, quá trình sử dụng các chế phẩm sinh học trong sản xuất nông nghiệp, góp phần tăng năng suất, chất lượng cây trồng cũng được người dân quan tâm hưởng ứng như: chế phẩm điều hòa sinh trưởng làm tăng tỷ lệ ra hoa, đậu quả và tăng năng suất trên cây cà phê, hồ tiêu, vải, điều...; sử dụng chế phẩm Oligoglucosamin trên cây trồng ngăn ngừa; các chế phẩm sinh học dùng để xử lý phế, phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón hữu cơ vi sinh được người dân sử dụng rộng rãi.

Nhiều loại thuốc Bảo vệ thực vật nguồn gốc sinh học thế hệ mới được sản xuất đã góp phần tích cực trong việc phòng trừ dịch hại, bảo vệ cây trồng, bảo vệ mùa màng và ngày càng tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp sạch cung ứng cho người tiêu dùng; đồng thời góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

Về lĩnh vực chăn nuôi

Đối với chăn nuôi bò: có nhiều nghiên cứu, ứng dụng về công nghệ giống trong chăn nuôi bò thịt, đã lai tạo giống bò địa phương với giống bò ngoại Brahman đỏ, tạo ra con lai có tầm vóc to lớn và tỷ lệ thịt xẻ cao hơn nhiều so với giống bò địa phương, có khả năng chống chịu, thích nghi với điều kiện chăn nuôi của địa phương tốt hơn giống bò ngoại thuần chủng. Tỷ lệ đàn bò được lai hóa cao, đạt trên 80% tổng số đàn bò trong tỉnh.

Đối với chăn nuôi heo: công nghệ về lai tạo giống, đưa các giống tiến bộ vào sản xuất được chú trọng tăng cường; áp dụng công nghệ dây chuyền khép kín, tự động hóa trong xây dựng chuồng trại, cùng với công nghệ chế biến thức ăn, công tác thú y, vắc xin phòng dịch,... giúp cho heo tăng trưởng nhanh, sản phẩm thịt chất

lượng tốt, đồng thời hạn chế được rủi ro bệnh tật, mang lại giá trị gia tăng cao cho ngành chăn nuôi.

Bên cạnh đó, ứng dụng công nghệ sinh học, xây dựng hầm biogas để xử lý chất thải trong chăn nuôi, trong xử lý môi trường tại các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, được áp dụng triệt để, đã giảm thiểu ô nhiễm môi trường, hướng tới sự phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả.

Về lĩnh vực thủy sản

Các cơ sở nuôi trồng thủy sản đã sử dụng chế phẩm sinh học nhằm cải thiện môi trường (nước và nền đáy ao), phân hủy các chất hữu cơ trong nước, hấp thu xác tảo chết, làm giảm lượng bùn đáy. Giảm các độc tố, mùi hôi trong môi trường nước do các chất khí: NH_3 , H_2S ,... phát sinh; chế phẩm sinh học còn được trộn vào thức ăn có tác dụng hỗ trợ tiêu hóa, giúp hấp thu tốt thức ăn, làm tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, giúp tôm cá phát triển tốt, tăng sức khỏe vật nuôi, mang lại lợi ích to lớn trong nuôi trồng thủy sản.

Về lĩnh vực Công nghệ chế biến sau thu hoạch và quản lý chất lượng

Qua công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã có một số doanh nghiệp đầu tư máy móc, trang thiết bị, ứng dụng công nghệ vi sinh, công nghệ enzym trong chế biến như: công nghệ chế biến cà phê ướt, chế biến tiêu trắng, tiêu đỏ, piperine, tinh dầu tiêu, tinh dầu gừng,... tạo ra các sản phẩm mới có giá trị kinh tế cao đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tuy nhiên, việc phát triển công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh còn rất hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ; hoạt động ứng dụng công nghệ sinh học chủ yếu mang tính tự phát, chưa tập trung, quy mô nhỏ, các thành tựu mới của công nghệ sinh học chưa được khai thác và ứng dụng kịp thời; việc thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học của tỉnh còn hạn chế; việc xây dựng nhân rộng mô hình, nhân tố mới chưa nhiều; nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ sinh học còn ít; cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học còn thiếu thốn và lạc hậu; đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng, số cán bộ có trình độ chuyên môn sâu, các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực công nghệ sinh học còn rất hạn chế; thiếu các tổ chức khoa học công nghệ nghiên cứu, triển khai và ứng dụng các tiến bộ trong lĩnh vực công nghệ sinh học; việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật ứng dụng công nghệ sinh học trong các doanh nghiệp, người dân chưa được chú trọng.

Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém trên chủ yếu là do: nhận thức của cấp ủy, chính quyền về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công nghệ sinh học chưa đầy đủ; cơ chế, chính sách chưa phù hợp, thiếu hấp dẫn để thu hút nguồn lực xã hội cho phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học còn ít, nhất là nguồn nhân lực có chuyên môn sâu; chưa gắn kết với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội hằng năm để triển khai, thực hiện. Tiềm lực khoa học và công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển công nghệ sinh học của địa phương; mối liên kết giữa các nhà khoa học, viện nghiên cứu với doanh nghiệp trong phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học chưa hiệu quả; trình độ dân trí còn thấp, đời sống của Nhân dân còn nhiều khó khăn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nên việc đầu tư áp dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống còn nhiều hạn chế.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức quán triệt nghiêm túc, sâu sắc Nghị quyết 36-NQ/TW tới các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị; đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân nắm vững quan điểm, mục tiêu, chủ trương lớn và nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết để triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả.

2. Đảm bảo tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra trong Nghị quyết 36-NQ/TW. Chương trình là khung định hướng, xác định một số nhiệm vụ trọng tâm và lộ trình thực hiện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời là căn cứ để các cấp, các ngành, các địa phương xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ và phải được tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả.

3. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW phù hợp và gắn kết chặt chẽ với những chủ trương, định hướng, mục tiêu, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII; phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các kế hoạch có liên quan.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung các nguồn lực xã hội và các lợi thế của tỉnh tạo động lực quan trọng để thực hiện ứng dụng công nghệ sinh học nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng góp phần tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của tỉnh. Ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học một cách rộng rãi trong các ngành, lĩnh vực. Phấn đấu phát triển một số sản phẩm mới ứng dụng công nghệ sinh học, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp ở các khâu bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm,... có thế mạnh của tỉnh. Từng bước hình thành ngành công nghệ sinh học để phục vụ yêu cầu trong nghiên cứu, phát triển bền vững tài nguyên thiên

nhiên và bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển kinh tế; tạo sự chuyển biến tích cực trong việc ứng dụng công nghệ sinh học vào đời sống của Nhân dân, tăng dần tỷ lệ đóng góp của khoa học và công nghệ; trong đó, có công nghệ sinh học vào tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP), từng bước đưa tỉnh Đắk Nông trở thành tỉnh có nền sản xuất, ứng dụng công nghệ sinh học phát triển trong khu vực Tây Nguyên.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Nghiên cứu ứng dụng, tiếp nhận và làm chủ công nghệ tạo ra các chế phẩm sinh học phục vụ cho sản xuất, chuyển dần các sản phẩm có nguồn gốc hóa học sang nguồn gốc sinh học; góp phần từng bước xây dựng nền kinh tế xanh, tuần hoàn, theo hướng hữu cơ và có giá trị gia tăng cao và bền vững.

- Tiếp tục xây dựng và đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực của tỉnh trong hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận công nghệ thuộc loại khá của vùng Tây Nguyên.

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý các chất thải gây ô nhiễm, phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường. Nghiên cứu ứng dụng, tiếp nhận và làm chủ được công nghệ sinh học trong sản xuất giống cây trồng, bảo quản và chế biến tạo ra chuỗi các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, nhất là đối với cây trồng chủ lực.

- Tăng cường công tác quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực đủ trình độ làm chủ công nghệ, tiếp nhận, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, hiện đại ở quy mô công nghiệp.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

- Hỗ trợ một số doanh nghiệp có ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến, hiện đại nhằm mang tính dẫn dắt các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Làm chủ được một số công nghệ sinh học mới, hiện đại tạo ra sản phẩm có chất lượng và khả năng ứng dụng thực tiễn sản xuất tại địa phương.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền vai trò của công nghệ sinh học trong phát triển kinh tế - xã hội

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học là một nội dung, nhiệm vụ được xác định trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông chú trọng giới thiệu các thành tựu công nghệ sinh học; chủ động tuyên truyền các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động hiệu quả.

2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh bảo đảm an toàn sinh học.

- Xây dựng cơ chế bảo đảm mối liên kết, gắn bó giữa các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh; triển khai, ứng dụng các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về sản phẩm công nghệ sinh học.

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng hiện đại, xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, dược liệu của tỉnh

3.1. Phát triển công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao

- Tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, sạch, sinh thái, hữu cơ, công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu có gắn quá trình ứng dụng các công nghệ sinh học trong nông nghiệp thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học, bảo đảm an toàn sinh học.

- Làm chủ công nghệ nhân giống vô tính đối với sản phẩm nông nghiệp quy mô công nghiệp, tập trung vào các giống cây trồng chủ lực, tiềm năng, có lợi thế của tỉnh; nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất trong tỉnh và các vùng lân cận. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học tạo các chế phẩm sinh học thế hệ mới trong nông nghiệp và kiểm soát dư lượng các chất cấm trong nông sản có nguồn gốc hóa học; chuyển giao,

nhân rộng trong sản xuất công nghệ sinh học các giống vật nuôi chủ lực có giá trị kinh tế cao của tỉnh.

- Ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ sản xuất phân bón vi sinh, chế phẩm cải tạo đất, chế phẩm bảo vệ thực vật và chất kích thích sinh trưởng có nguồn gốc thực vật, xử lý phụ phẩm nông nghiệp và ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm và sức khỏe con người, vật nuôi; tạo cơ sở hình thành nền kinh tế nông nghiệp tuần hoàn mang lại giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững.

3.2. Phát triển công nghệ sinh học phục vụ bảo quản sau thu hoạch sản phẩm nông nghiệp

- Ứng dụng và phát triển công nghệ tạo chế phẩm sinh học phục vụ sơ chế, bảo quản đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông sản chủ lực.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghiệp chế biến: phát triển các chế phẩm phục vụ sản xuất các loại thực phẩm lên men có nguồn gốc tự nhiên phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; ứng dụng công nghệ vi sinh tạo ra chuỗi các sản phẩm từ nông nghiệp có giá trị gia tăng cao; công nghệ sinh học xử lý phụ phẩm trong nông nghiệp để tái sử dụng,...

3.3. Phát triển công nghệ sinh học phục vụ sản xuất các sản phẩm từ nguồn cây dược liệu của tỉnh phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Tập trung nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học để phát triển sản xuất giống các loài cây dược liệu có giá trị dược tính, giá trị kinh tế và bảo tồn nguồn gen cây dược liệu của tỉnh.

- Tập trung nguồn lực, đầu tư, hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong việc tiếp nhận và ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến, hiện đại để nhân giống, trồng và chế biến sâu các sản phẩm từ nguồn cây dược liệu trên địa bàn tỉnh.

4. Ứng dụng công nghệ sinh học trong quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

- Chú trọng phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường; giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sản xuất nhiên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường, phát huy tiềm năng kinh tế nông nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động nông nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ sinh học nhằm nâng cao năng lực tiếp cận và làm chủ công nghệ, đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ;

ngiên cứu sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp; xây dựng thương hiệu, thương mại hoá sản phẩm; khai thác, sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế công nghệ sinh học có giá trị cao của thế giới, ứng dụng hiệu quả trong công nghiệp sinh học.

5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, gắn với phát triển công nghệ sinh học

- Xây dựng mô hình đào tạo nhân lực công nghệ sinh học, ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực của các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ sinh học; phát triển các mô hình đào tạo mới, mô hình liên kết với các nước có nền khoa học, công nghệ sinh học tiên tiến, hiện đại nhằm đảm bảo số lượng, chất lượng nguồn nhân lực công nghệ sinh học đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Tập trung đào tạo mới và đào tạo nâng cao đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao theo hướng hình thành các nhóm nghiên cứu, nhóm làm việc về công nghệ sinh học đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng vào sản xuất.

- Tổ chức các lớp đào tạo kỹ thuật viên về công nghệ sinh học, kết hợp bồi dưỡng tập huấn chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật mới trong lĩnh vực công nghệ sinh học cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tại địa phương.

- Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất.

- Đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hiện đại hóa máy móc, thiết bị; đầu tư hoàn thiện và đồng bộ hóa các trang thiết bị hiện có của đơn vị/doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để tiếp nhận và thực hiện chuyển giao các quy trình công nghệ sinh học tiên tiến, quy mô lớn đáp ứng yêu cầu sản xuất tại địa phương đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, hiệu quả kinh tế cao.

- Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin về công nghệ sinh học phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh.

6. Đẩy mạnh hợp tác về công nghệ sinh học

Tăng cường hợp tác với các Viện nghiên cứu, các Trường Đại học có uy tín trong lĩnh vực công nghệ sinh học, ký kết hợp tác giữa các đơn vị có liên quan đến công nghệ sinh học mà tỉnh Đắk Nông có lợi thế phát triển. Có cơ chế chính sách mua, chuyển giao, trao đổi công nghệ sinh học, trong đó quan tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao của khu vực và thế giới; hợp tác nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế sinh học, quản lý tài nguyên, quản lý kinh tế, xã hội bền vững với các tổ chức, doanh nghiệp có trình độ công nghệ sinh học phát triển.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, Ban cán sự đảng, Đảng đoàn tổ chức triển khai, quán triệt Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện phù hợp với điều kiện của từng địa phương, đơn vị.

2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa thành kế hoạch tổ chức thực hiện; ưu tiên bố trí nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, mục tiêu được nêu trong Chương trình này.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong nông nghiệp, nông dân, nông thôn để tích cực, phối hợp với các ngành chức năng thực hiện.

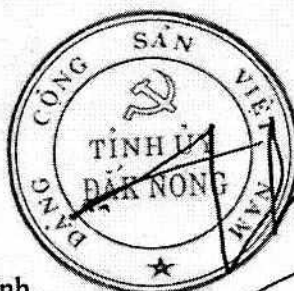
4. Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy, các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình này; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị,
- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban cán sự đảng Chính phủ,
- Ban cán sự đảng Bộ KH&CN,
- Ban cán sự đảng Bộ NN&PTNT,
- Đảng ủy Quân khu 5,
- Vụ Địa bàn VII,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- BCS đảng UBND tỉnh, Đảng đoàn HĐND tỉnh,
- Các sở, ban, ngành,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (TH,L).

(b/c)

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Điêu Kré